

V/v rà soát, đánh giá nhu cầu tìm
gia đình thay thế cho trẻ em

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

Để tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05/3/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi; Kế hoạch số 1734/KH-UBND ngày 12/4/2023 của UBND tỉnh về công tác quản lý nhà nước về hộ tịch, quốc tịch, nuôi con nuôi trên địa bàn tỉnh Bình Dương và để giúp trẻ em sớm tìm được gia đình thay thế theo hình thức nuôi con nuôi, Sở Tư pháp đề nghị UBND cấp huyện phối hợp chỉ đạo UBND cấp xã thực hiện nội dung sau:

1. Về đối tượng trẻ em được rà soát, đánh giá nhu cầu nhận làm con nuôi

- Trẻ em bị bỏ rơi đang được cá nhân, gia đình, tổ chức tạm thời nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 15 của Luật Nuôi con nuôi; khoản 1 Điều 14 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch.

- Trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em mồ côi cả cha và mẹ và trẻ em không nơi nương tựa được UBND xã giao chăm sóc thay thế theo quy định tại Điều 38 Nghị định số 56/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật trẻ em.

2. Về cách thức thực hiện

Ủy ban nhân dân cấp xã hàng tháng rà soát và đánh giá nhu cầu cần được nhận làm con nuôi đối với những trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, trẻ em không nơi nương tựa đang ở tại cộng đồng (**trước ngày 25 hàng tháng**). Nếu người đang tạm thời nuôi dưỡng có nguyện vọng nhận trẻ em bị bỏ rơi làm con nuôi thì ưu tiên xem xét giải quyết hoặc hướng dẫn giải quyết cho trẻ em làm con nuôi, cụ thể như sau:

- Trường hợp trẻ em bị bỏ rơi, UBND cấp xã nơi trẻ bị bỏ rơi phải lập biên bản về việc trẻ em bị bỏ rơi và bàn giao trẻ em cho người hoặc tổ chức tạm thời nuôi dưỡng. Nếu người tạm thời nuôi dưỡng có nguyện vọng nhận trẻ em đó làm con nuôi thì ưu tiên xem xét, giải quyết. Nếu không có người trong nước nhận trẻ em làm con nuôi thì lập hồ sơ chuyển trẻ em vào cơ sở nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật về việc tiếp nhận trẻ em vào cơ sở nuôi dưỡng.

- Trường hợp trẻ em được giao chăm sóc thay thế theo quy định tại Điều 66 của Luật trẻ em, UBND cấp xã đánh giá điều kiện sống, tình trạng sức khỏe, thể chất, tinh thần, sự hòa nhập của trẻ em với cá nhân, gia đình nhận chăm sóc,

thay thế. Định kỳ 06 tháng UBND cấp xã rà soát những trẻ em này hướng dẫn, vận động cá nhân, gia đình chăm sóc thay thế chuyển đổi hình thức từ chăm sóc thay thế sang hình thức nuôi con nuôi hoặc lập hồ sơ chuyển trẻ em vào cơ sở nuôi dưỡng theo quy định.

- Trường hợp trẻ em được người dân tự ý đưa về chăm sóc, nuôi dưỡng, UBND cấp xã cần yêu cầu người dân cung cấp thông tin về nguồn gốc trẻ, như: biên bản về việc trẻ em bị bỏ rơi, biên bản giao tạm thời nuôi dưỡng trẻ, Giấy chứng sinh của trẻ... Nếu có đầy đủ giấy tờ, tài liệu chứng minh nguồn gốc của trẻ em thì UBND cấp xã hướng dẫn việc đăng ký khai sinh, đăng ký nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật.

Sở Tư pháp rất mong nhận được sự phối hợp của UBND các huyện, thị xã, thành phố!

(Đính kèm công văn này là các Phụ lục: Phụ lục 1: Quy trình thực hiện nuôi con nuôi đối với: Trẻ em bị bỏ rơi chưa chuyển vào cơ sở trợ giúp xã hội; Trẻ em mồ côi cả cha lẫn mẹ, trẻ em có cha mẹ đẻ, người thân thích nhưng không có khả năng nuôi dưỡng; Phụ lục 2: Thành phần hồ sơ nuôi con nuôi).

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD; PGD;
- Phòng Tư pháp cấp huyện (để tham mưu);
- Lưu: VT, HCTP&QLXLVPHC.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Quốc Trí



PHỤ LỤC 1
Quy trình thực hiện nuôi con nuôi

1. Trẻ em bị bỏ rơi chưa chuyển vào cơ sở trợ giúp xã hội

Các bước cần làm	Cơ quan thực hiện
1. Tổ chức lập ngay biên bản về việc trẻ bị bỏ rơi khi phát hiện trẻ em bị bỏ rơi	UBND xã/phường/thị trấn nơi phát hiện trẻ em bị bỏ rơi
2. Tìm người dân cư trú ở địa phương hoặc tổ chức tạm thời nuôi dưỡng và tiến hành bàn giao trẻ em để tạm thời nuôi dưỡng	UBND xã/phường/thị trấn nơi phát hiện trẻ em bị bỏ rơi
3. Niêm yết công khai tìm cha, mẹ đẻ trong thời hạn 7 ngày bỏ rơi	UBND xã/phường/thị trấn nơi phát hiện trẻ em bị bỏ rơi
4. Đăng ký khai sinh cho trẻ em	UBND xã /phường/thị trấn nơi phát hiện trẻ em bị bỏ rơi
5. Giải quyết việc nuôi con nuôi nếu có người dân cư trú ở địa phương có nhu cầu và đủ điều kiện nhận con nuôi	UBND xã /phường/thị trấn nơi phát hiện trẻ em bị bỏ rơi
6. Lập hồ sơ đưa trẻ em vào cơ sở trợ giúp xã hội nếu không có người trong nước nhận trẻ em làm con nuôi	UBND xã /phường/thị trấn nơi phát hiện trẻ em bị bỏ rơi
7. Hàng tháng rà soát, đánh giá trẻ em đang được cá nhân, gia đình, tổ chức tạm thời nuôi dưỡng hoặc chăm sóc thay thế để xem xét, giải quyết hoặc hướng dẫn giải quyết việc nuôi con nuôi.	UBND cấp xã/phường/thị trấn /người làm công tác bảo vệ trẻ em xã/phường/thị trấn.

2. Trẻ em mồ côi cả cha lẫn mẹ, trẻ em có cha mẹ đẻ, người thân thích nhưng không có khả năng nuôi dưỡng

Các bước cần làm	Cơ quan thực hiện
------------------	-------------------

1. Niêm yết tại trụ sở UBND để tìm người dân cư trú ở địa phương nhận trẻ em làm con nuôi trong thời hạn 60 ngày hoặc gia đình họ hàng có thể nhận chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em.	UBND xã/phường/thị trấn nơi trẻ em thường trú
2. Giải quyết việc nuôi con nuôi nếu có người dân ở địa phương có nhu cầu và đủ điều kiện nhận con nuôi.	UBND xã /phường/thị trấn nơi trẻ em thường trú
3. Lập hồ sơ đưa trẻ em vào cơ sở trợ giúp xã hội nếu không có người trong nước nhận trẻ em làm con nuôi.	UBND xã /phường/thị trấn nơi trẻ em thường trú
4. Hàng tháng rà soát, đánh giá trẻ em đang được cá nhân, gia đình, tổ chức tạm thời nuôi dưỡng hoặc chăm sóc thay thế để xem xét, giải quyết hoặc hướng dẫn giải quyết việc nuôi con nuôi.	UBND xã /phường/thị trấn

PHỤ LỤC 2
Thành phần hồ sơ nuôi con nuôi

1. Hồ sơ của người nhận con nuôi

Lưu ý:

- Trường hợp một cặp vợ chồng nhận con nuôi thì phải có giấy tờ của cả hai người.

- Người nhận con nuôi khi nộp hồ sơ xuất trình sổ hộ khẩu/sổ tạm trú để xác định thẩm quyền đăng ký việc nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật.

- Đối với các đối tượng được miễn lệ phí (bao gồm cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi; người nhận con nuôi là người có công với cách mạng; người nhận trẻ em khuyết tật, trẻ em nhiễm HIV/AIDS hoặc mắc bệnh hiểm nghèo theo quy định của Luật nuôi con nuôi và văn bản hướng dẫn) cần bổ sung các giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng miễn lệ phí. Trường hợp cha đẻ, mẹ đẻ nhận con riêng của vợ, chồng làm con nuôi cũng thuộc đối tượng miễn lệ phí, tuy nhiên hồ sơ đã bao gồm Giấy chứng nhận kết hôn nên không phải bổ sung giấy tờ để chứng minh.

STT	Tên giấy tờ	Hình thức	Ghi chú
1	Đơn xin nhận con nuôi (Thông tư số 10/2020/TT-BTP)	Bản chính	Đơn xin nhận con nuôi phải dán ảnh, có chữ ký của người nhận con nuôi ở cuối và ghi ngày tháng năm lập đơn
2	Hộ chiếu, giấy chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ có giá trị thay thế như thẻ căn cước công dân	-Bản sao chứng thực	Người nộp hồ sơ phải xuất trình bản chính kèm với bản sao. Người tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm đối chiếu giữa bản sao với bản chính và ký xác nhận
		-Hoặc bản sao	
3	Phiếu lý lịch tư pháp	Bản chính hoặc bản sao chứng thực	Được cấp chưa quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ.
4	Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân		



STT	Tên giấy tờ	Hình thức	Ghi chú
4.1	Giấy chứng nhận kết hôn hoặc trích lục ghi chú kết hôn (đối với trường hợp cặp vợ chồng nhận con nuôi)	Bản sao chứng thực	Đối với trích lục ghi chú kết hôn là bản sao trích lục ghi chú kết hôn theo quy định của pháp luật hộ tịch
4.2	Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân (đối với trường hợp người độc thân nhận con nuôi)	Bản chính hoặc bản sao chứng thực	Được cấp chưa quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ.
5	Giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp	Bản chính hoặc bản sao chứng thực	Được cấp chưa quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ.
6	Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế	Bản chính	Văn bản phải được lập theo tờ khai hoàn cảnh gia đình của người nhận con nuôi (Thông tư số 10/2020/TT-BTP) và phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người nhận con nuôi thường trú về các thông tin đã khai.
7	Giấy tờ khác:		
7.1	Trường hợp cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi: Giấy khai sinh hoặc trích lục khai sinh của cha, mẹ đẻ và cô, cậu, dì, chú, bác ruột; giấy tờ về nơi cư trú có thể chứng minh mối quan hệ giữa người nhận con nuôi và cha, mẹ đẻ của trẻ em	Bản sao chứng thực	Đối với trích lục khai sinh là bản sao trích lục khai sinh theo quy định của pháp luật hộ tịch

STT	Tên giấy tờ	Hình thức	Ghi chú
7.2	Trường hợp người nhận con nuôi là người có công với cách mạng: Quyết định công nhận là người có công với cách mạng.	Bản sao chứng thực	
7.3	Trường hợp nhận trẻ em khuyết tật, trẻ em nhiễm HIV/AIDS hoặc mắc bệnh hiểm nghèo làm con nuôi: Giấy khám sức khỏe của trẻ em hoặc giấy xác nhận khuyết tật	Bản chính hoặc bản sao chứng thực	
7.4	Trường hợp nhận trẻ em ở cơ sở nuôi dưỡng làm con nuôi: Phiếu đăng ký nhu cầu nhận con nuôi (Thông tư số 10/2020/TT-BTP)	Bản chính	Trường hợp người nhận con nuôi đã đăng ký nhu cầu nhận con nuôi với Sở Tư pháp và có nguyện vọng nhận con nuôi theo khoản 3 Điều 6 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung

2. Giấy tờ, tài liệu của người được nhận làm con nuôi:

* Hồ sơ của người được nhận làm con nuôi theo Điều 18 Luật nuôi con nuôi:

ST T	Tên giấy tờ	Hình thức	Ghi chú
1	Giấy khai sinh hoặc trích lục khai sinh	Bản sao chứng thực	Đối với trích lục khai sinh là bản sao trích lục khai sinh theo quy định của pháp luật hộ tịch
2	Giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp	Bản chính hoặc bản sao chứng thực	Được cấp chưa quá 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ

ST T	Tên giấy tờ	Hình thức	Ghi chú
3	Hai ảnh toàn thân, nhìn thẳng		Ảnh chụp không quá 06 tháng
4	Biên bản xác nhận do UBND hoặc Công an cấp xã nơi phát hiện trẻ em bị bỏ rơi lập đối với trẻ em bị bỏ rơi	Bản chính hoặc bản sao chứng thực	Biên bản cần có đầy đủ thông tin về ngày, giờ, địa điểm phát hiện trẻ em bị bỏ rơi, người phát hiện trẻ em bị bỏ rơi (nếu có), các thông tin, giấy tờ, tài sản liên quan đến trẻ. Biên bản phải có chữ ký và con dấu của đại diện cơ quan có thẩm quyền (UBND cấp xã hoặc Công an cấp xã).
5	Giấy chứng tử hoặc trích lục khai tử của cha đẻ, mẹ đẻ hoặc Quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của trẻ em đó đã chết đối với trẻ em mồ côi	Bản chính hoặc bản sao chứng thực	
6	Quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của trẻ em đó mất tích đối với trẻ em có cha đẻ, mẹ đẻ mất tích	Bản chính hoặc bản sao chứng thực	
7	Quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của trẻ em đó mất năng lực hành vi dân sự đối với trẻ em có cha đẻ, mẹ đẻ mất năng lực hành vi dân sự	Bản chính hoặc bản sao chứng thực	

*** Giấy tờ, tài liệu có liên quan khác của người được nhận làm con nuôi do cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm thực hiện và bổ sung hồ sơ:**

STT	Tên giấy tờ	Hình thức	Ghi chú
1	Trường hợp trẻ em bị bỏ rơi, đang được tạm thời nuôi dưỡng, chăm sóc thay thế:		
1.1	Văn bản về việc niêm yết công khai tìm cha, mẹ đẻ cho trẻ em bị bỏ rơi tại trụ sở của UBND cấp xã	Bản chính hoặc bản sao	
1.2	Văn bản giao tạm thời nuôi dưỡng hoặc nhận chăm sóc thay thế trẻ em: Biên bản giao tạm thời nuôi dưỡng hoặc Quyết định và biên bản giao, nhận trẻ em cho cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế (mẫu số 12 – Nghị định số 56/2017/NĐ-CP)	Bản chính hoặc bản sao	
2	Trường hợp trẻ em mồ côi, trẻ em không nơi nương tựa khác đang được tạm thời nuôi dưỡng, chăm sóc thay thế:		Trường hợp này là đối tượng trẻ em mồ côi không có người nuôi dưỡng hoặc trẻ em có cha mẹ đẻ, người thân thích nhưng không có
2.1	Báo cáo tiếp nhận thông tin trẻ em cần hỗ trợ, can thiệp chăm sóc, bảo vệ (mẫu số 01 Nghị định số 56/2017/NĐ-CP)	Bản chính hoặc bản sao	khả năng nuôi dưỡng tại điểm b khoản 1 Điều 15
2.2	Văn bản đăng tin tìm gia đình thay thế cho trẻ em trong thời hạn 60 ngày tại trụ sở UBND cấp xã nơi trẻ thường trú.	Bản chính hoặc bản sao	Luật nuôi con nuôi, thuộc diện trẻ em không nơi nương tựa được quy định tại Điều 5 của Nghị định
2.3	Văn bản giao tạm thời nuôi dưỡng hoặc nhận chăm sóc thay thế trẻ em: Biên bản giao tạm thời nuôi dưỡng hoặc Quyết định và biên bản giao, nhận trẻ em cho cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay	Bản chính hoặc bản sao	

3
TÁP
nuôi

STT	Tên giấy tờ	Hình thức	Ghi chú
	thẻ (mẫu số 12 – Nghị định số 56/2017/NĐ-CP).		số 56/2017/NĐ-CP.
3	Trường hợp trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em mồ côi, trẻ em không nơi nương tựa ở cơ sở nuôi dưỡng Ngoài các giấy tờ đảm bảo thuộc các trường hợp trẻ em bị bỏ rơi/trẻ em mồ côi, trẻ em không nơi nương tựa như trên, cần có các giấy tờ sau:		
3.1	Quyết định tiếp nhận trẻ em vào cơ sở nuôi dưỡng	Bản chính hoặc bản sao chứng thực	
3.2	Văn bản về việc đăng tin thông báo tìm gia đình thay thế cho trẻ em của Sở Tư pháp	Bản chính hoặc bản sao	

3. Giấy tờ do công chức tư pháp – hộ tịch cấp xã thực hiện trong quá trình đăng ký việc nuôi con nuôi:

STT	Tên giấy tờ	Hình thức	Ghi chú
1	Biên bản lấy ý kiến của cha, mẹ đẻ hoặc người giám hộ về việc cho trẻ em làm con nuôi trong nước	Bản chính	Đảm bảo thời hạn lấy ý kiến 15 ngày, phải có chữ ký của người lấy ý kiến và xác nhận của UBND cấp xã nơi đăng ký việc nuôi con nuôi.
2	Giấy chứng nhận việc nuôi con nuôi (Thông tư số 10/2020/TT-BTP)	Bản chính	

STT	Tên giấy tờ	Hình thức	Ghi chú
3	Biên bản bàn giao	Bản chính	

4. Giấy tờ sau đăng ký việc nuôi con nuôi, công chức tư pháp – hộ tịch cấp xã có trách nhiệm thu thập, bổ sung hồ sơ:

STT	Tên giấy tờ	Hình thức	Ghi chú
1	Báo cáo tình hình phát triển của trẻ em (Thông tư số 10/2020/TT-BTP)	Bản chính	Công chức tư pháp – hộ tịch cấp xã có trách nhiệm thu thập 06 báo cáo của cha, mẹ nuôi (06 tháng/lần trong thời gian 03 năm kể từ ngày bàn giao con nuôi)



